Shinhan Securities



# CTCP Tập đoàn Hòa Phát

[ Việt Nam / Thép ]

Bloomberg Code (HPG VN) | Reuters Code (HPG.HM)

## GIỮ

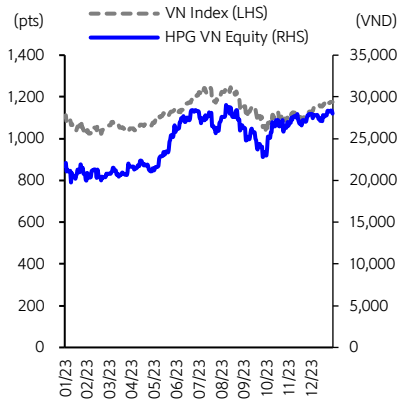
Báo cáo cập nhật

| | |
|---|---|
| **Giá mục tiêu** (12 tháng) | **32,000 VND** |
| Giá hiện tại (30/01/2024) | 28,000 VND |
| Suất sinh lời (%) | 14.28% |

| | |
|---|---|
| VNINDEX | 1,179 |
| HNXINDEX | 230 |
| Vốn hóa (tỷ VND) | 162,814 |
| SLCP lưu hành (triệu CP) | 5,815 |
| Tự do giao dịch (triệu CP) | 3,156 |
| 52-tuần cao/thấp (VND) | 29,400/11,800 |
| KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP) | 24.93 |
| GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND) | 687 |
| Cổ đông lớn (%) Trần Đình Long | 26.08% |
| Dragon Capital | 7.65% |

| Biến động giá | 3T | 6T | 12T |
|---|---|---|---|
| Tuyệt đối (%) | -12.2 | 11.5 | 57.3 |
| So với VN-Index (%) | 2.1 | 11.8 | 55.1 |

Nguồn: Bloomberg




**Tiến Lê – Chuyên viên**

☎ (84-28) 6299-8011
✉ tien.ld@shinhan.com

**Ly Bùi – Giám đốc Phân tích**

☎ (84-28) 6299-8029
✉ ly.btt@shinhan.com



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

# Sự trở lại của vua thép

### Cập nhật khuyến nghị GIỮ, giá mục tiêu 32,000 đồng

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) là một trong những doanh nghiệp ngành thép hàng đầu Việt Nam. Hòa Phát nắm giữ thị phần lớn nhất trong mảng thép xây dựng (với 33%) và ống thép (với 27%). Hòa Phát đã trải qua một năm 2023 với nhiều khó khăn, tuy nhiên kết quả kinh doanh đã có sự cải thiện dần. Bước sang năm 2024, chúng tôi dự kiến tình hình kinh doanh của Hòa Phát sẽ phục hồi mạnh mẽ nhờ nhu cầu tiêu thụ hồi phục và giá thép cải thiện. Chúng tôi định giá cập nhật đối với cổ phiếu HPG ở mức giá 32,000 đồng tương ứng với mức sinh lời 14.28%. Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá P/E và DCF với tỷ trọng lần lượt là 20% và 80%.

### Cập nhật kết quả kinh doanh năm 2023

Tập đoàn Hòa Phát ghi nhận doanh thu cả năm 2023 đạt 120,355 tỷ đồng (-16% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 6,800 tỷ đồng (-19% YoY). Sản lượng bán hàng thép xây dựng và thép HRC đạt 6.72 triệu tấn (-7% YoY). Tuy kết quả kinh doanh của Hòa Phát có sự sụt giảm trong năm 2023, nhưng tình hình đã có sự cải thiện dần qua các quý với doanh thu và biên lợi nhuận gộp đều tăng dần. Điều này đến từ việc: (1) Sản lượng tiêu thụ liên tục cải thiện qua các tháng, (2) Hòa Phát đã thanh lý được hết lượng tồn kho cũ ở mức giá cao, (3) Giá than Cốc trung bình năm 2023 đã giảm khoảng 37%, qua đó giảm chi phí sản xuất.

### Triển vọng nhu cầu hồi phục cùng với giá thép cải thiện

NHTW Trung Quốc sẽ hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ ngày 05/02, qua đó hỗ trợ nền kinh tế và giúp các công ty bất động sản hồi phục. Điều này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhu cầu và giá thép hồi phục. Bên cạnh đó những cải cách pháp lý của thị trường bất động sản trong nước sẽ góp phần thúc đẩy thị trường bất động sản và tăng cường nhu cầu tiêu thụ thép trong nước. Chúng tôi ước tính doanh thu năm 2024 đạt 148,111 tỷ đồng (+23% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 15,977 tỷ đồng (+135% YoY), sản lượng bán hàng thép xây dựng và thép HRC đạt 7.1 triệu tấn (+6% YoY). Biên lợi nhuận gộp trong năm 2024 dự kiến cải thiện từ mức 9% lên mức 14%.

### Vị thế đứng đầu ngành thép với triển vọng dự án Dung Quất 2

Với tổng vốn khoảng 85,000 tỷ đồng và công suất khoảng 5.6 triệu tấn thép/năm, dự án Dung Quất 2 sẽ hoàn thành vào quý 1/2025, qua đó nâng công suất thép thô của Hòa Phát lên hơn 14 triệu tấn/năm, tăng 66% so với hiện tại. Dự án Dung Quất 2 hiện đã đạt 45% tiến độ, đúng theo kế hoạch đã đề ra.

**Rủi ro:** (1) Rủi ro biến động giá thép và giá than cốc; (2) Rủi ro thị trường bất động sản trong nước bất ổn; (3) Rủi ro tình hình kinh tế thế giới suy giảm.

| Năm | 2022 | 2023F | 2024F | 2025F | 2026F |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu (tỷ VND)** | **142,771** | **120,355** | **148,111** | **171,151** | **183,485** |
| LN từ HĐKD (tỷ VND) | 9,794 | 7,798 | 18,341 | 26,886 | 28,595 |
| **Lợi nhuận ròng (tỷ VND)** | **8,444** | **6,800** | **15,977** | **23,414** | **24,902** |
| EPS (đồng) | 1,636 | 1,164 | 2,735 | 4,008 | 4,263 |
| BPS (đồng) | 18,539 | 17,317 | 19,691 | 23,350 | 27,266 |
| OPM (%) | 7% | 6% | 12% | 16% | 16% |
| NPM (%) | 6% | 6% | 11% | 14% | 14% |
| **ROE (%)** | **9%** | **7%** | **14%** | **17%** | **16%** |
| PER (x) | 11.00 | 24.27 | 10.33 | 7.05 | 6.63 |
| PBR (x) | 1.09 | 1.63 | 1.43 | 1.21 | 1.04 |
| EV/EBITDA (x) | 7.79 | 11.11 | 11.09 | 6.63 | 4.90 |

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does and seeks to do business with companies covered in its research reports. As a result, investors should be aware that the firm may have a conflict of interest that could affect the objectivity of this report. Investors should consider this report as only a single factor in making their investment decision. Analysts employed by Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. , or a non-US affiliate thereof, are not registered/qualified as research analysts with FINRA, may not be associated persons of the member and may not be subject to FINRA restrictions on communications with a subject company, public appearances and trading securities held by a research analyst account. For analyst certification and important disclosures, refer to the Compliance & Disclosure

# MỤC LỤC

3 Định giá và khuyến nghị

5 Tổng quan doanh nghiệp

8 Phụ lục: Báo cáo tài chính

# Định giá và Khuyến nghị

## Định giá cập nhật với khuyến nghị GIỮ, giá mục tiêu 32,000 đồng

Chúng tôi đưa ra định giá cập nhật với CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) với khuyến nghị giữ và giá mục tiêu đạt 32,000 đồng tương ứng với mức tăng 14.28%. Đối với tầm nhìn đầu tư dài hạn, HPG có thể được cân nhắc với những ưu điểm sau:

1) Triển vọng nhu cầu hồi phục và giá thép cải thiện
2) Duy trì vị thế đứng đầu ngành thép
3) Triển vọng dự án Dung Quất 2 hỗ trợ cho tăng trưởng dài hạn

## Phương pháp định giá

Chúng tôi áp dụng kết hợp phương pháp định giá P/E và Chiết khấu dòng tiền (FCFF) với tỷ trọng lần lượt là 20% và 80% để định giá CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG).

| Phương pháp | Tỷ trọng | Giá |
|---|---|---|
| FCFF | 80% | 34,200 |
| P/E | 20% | 23,300 |
| **Giá mục tiêu** | | **32,000** |
| Giá hiện tại | | 28,000 |
| **Tỷ suất sinh lời (%)** | | **14.28%** |

**Phương pháp Chiết khấu dòng tiền (DCF) – FCFF**

| Đơn vị: tỉ VND | 2024F | 2025F | 2026F | 2027F | 2028F |
|---|---|---|---|---|---|
| EBIT*(1-thuế suất (%)) | 18,781 | 26,601 | 28,521 | 30,825 | 33,589 |
| Khấu hao | 11,605 | 14,404 | 16,416 | 17,399 | 18,465 |
| - Thay đổi vốn lưu động | 6,482 | 5,660 | 3,250 | 4,005 | 4,942 |
| - Vốn đầu tư | 32,061 | 39,181 | 12,072 | 13,045 | 14,214 |
| **Dòng tiền tự do (FCFF)** | **(8,157)** | **(3,836)** | **29,615** | **31,173** | **32,899** |
| Giá trị cuối cùng | | | | | 515,806 |
| **Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do** | **(6,551)** | **(2,761)** | **19,103** | **18,021** | **198,632** |
| Giá trị doanh nghiệp | 254,450 | | | | |
| - Nợ | 65,061 | | | | |
| + Tiền và tương đương tiền | 9,354 | | | | |
| Giá trị vốn chủ sở hữu | 198,742 | | | | |
| **Giá mục tiêu (đồng)** | **34,200** | | | | |

| Biến | Giá trị |
|---|---|
| D/E | 0.36 |
| Beta | 1.28 |
| Lãi suất phi rủi ro | 2.50% |
| Chi phí sử dụng vốn | 14.00% |
| Chi phí nợ | 6.00% |
| WACC | 11.58% |

Đối với Chi phí vốn bình quân (WACC), chúng tôi sử dụng lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam 10 năm ở mức 2.50% là lãi suất phi rủi ro. Beta được tính toán dựa trên dữ liệu lịch sử 5 năm gần nhất của HPG và VNINDEX. Dựa trên các giả định đó, giá mục tiêu theo phương pháp FCFF của HPG được định giá ở mức 34,200 đồng.

**Phương pháp P/E**

Dựa trên phương pháp P/E, chúng tôi thu thập dữ liệu P/E trung bình lịch sử 5 năm của HPG ở mức 8.51. Chúng tôi ước tính P/E mục tiêu của HPG ở 8.51. Kết hợp cùng EPS dự phóng 2024 ở mức 2,735 đồng, giá mục tiêu của HPG được định giá ở mức 23,300 đồng.

| | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|---|---|---|---|---|
| P/E | 6.7 | 7.7 | 10.8 | 6.5 | 11.0 |
| Trung bình (số quá khứ) | 8.51 | | | | |
| HPG EPS Forward (VND) | 2,735 | | | | |
| **Giá mục tiêu (VND)** | **23,300** | | | | |

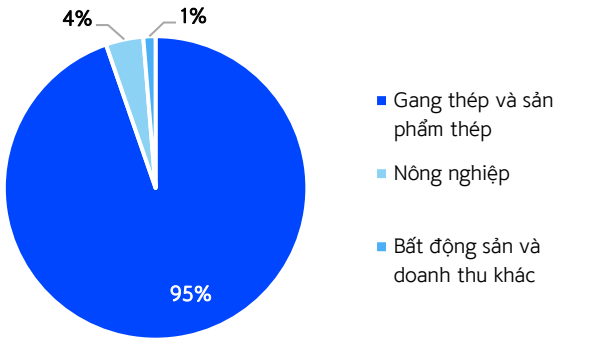
# Tổng quan doanh nghiệp

## Lịch sử hình thành doanh nghiệp

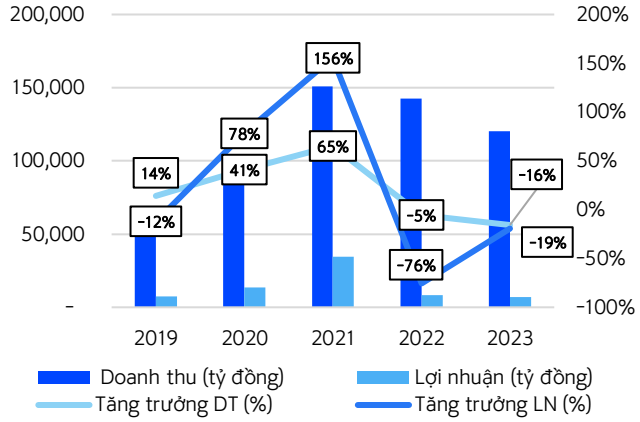
Tập đoàn Hòa Phát được thành lập từ tháng 8/1992, khởi đầu là công ty buôn bán máy xây dựng sau đó lần lượt mở rộng sang các lĩnh vực khác như nội thất, ống thép, thép xây dựng, điện lạnh, bất động sản và nông nghiệp. Ngày 15/11/2007, Hòa Phát chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán HPG.

Hiện nay, tập đoàn hoạt động trong 05 lĩnh vực: Gang thép (thép xây dựng, thép cuộn cán nóng), Sản phẩm thép (gồm Ống thép, tôn mạ, thép rút dây, thép dự ứng lực), Nông nghiệp, Bất động sản và điện máy gia dụng. Trong đó, lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Hòa Phát là Thép, đóng góp trên 90% doanh thu và lợi nhuận của cả tập đoàn.

**Cơ cấu doanh thu Hòa Phát năm 2023**




**Doanh thu và lợi nhuận Hòa Phát 2018 – 2023**

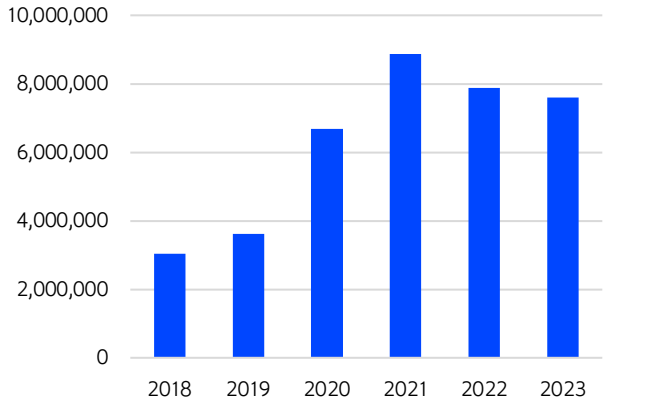



Nguồn: Báo cáo công ty, Chứng khoán Shinhan Việt Nam

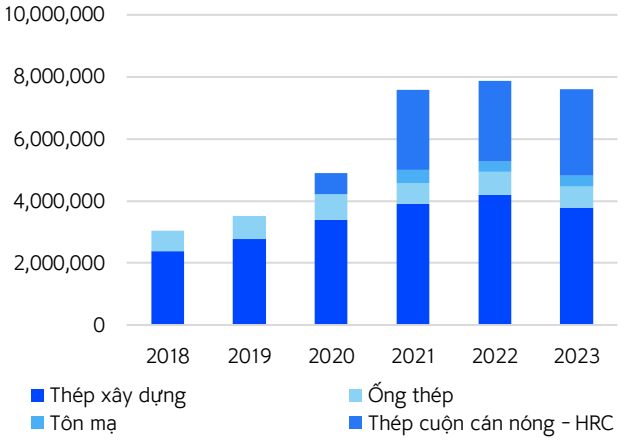
## Cập nhật kết quả kinh doanh năm 2023

Kết quả kinh doanh Q4/2023, Tập đoàn Hòa Phát đạt doanh thu 34,925 tỷ đồng, tăng 33% YoY. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận 2,969 tỷ đồng, tăng 249% so với cùng kỳ 2022 và 48% so với quý trước. Lũy kế cả năm 2023, Hòa Phát đạt 120,355 tỷ đồng doanh thu (giảm 16% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 6800 tỷ đồng (giảm 19% YoY), tương ứng ứng hoàn thành 85% kế hoạch lợi nhuận năm 2023.

**Sản lượng bán hàng Hòa Phát 2018 – 2023 (tấn)**



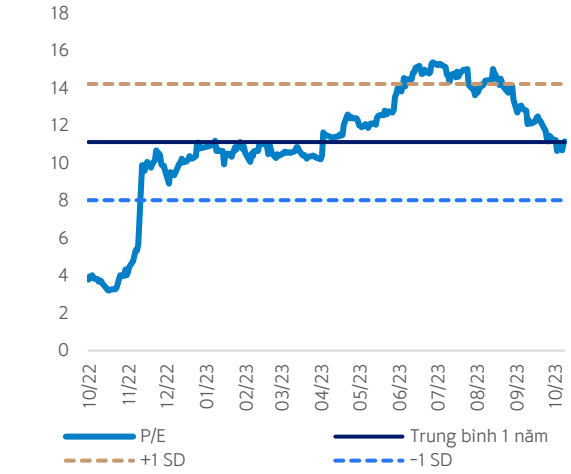

**Sản lượng tiêu thụ theo cơ cấu sản phẩm 2018 - 2023 (tấn)**



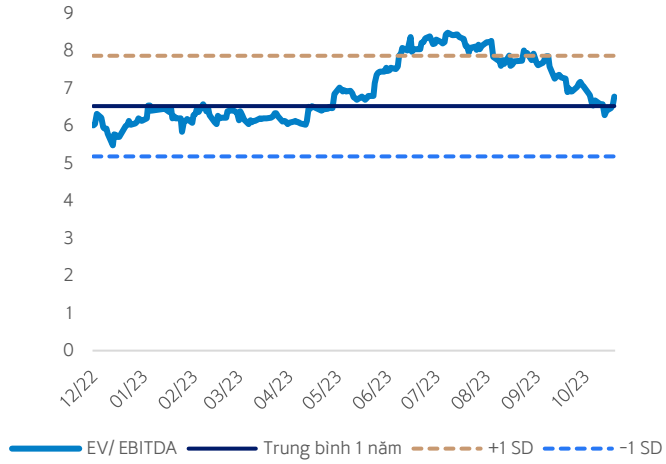

Nguồn: Báo cáo công ty, Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Lũy kế cả năm 2023, sản lượng bán hàng thép các loại (chưa bao gồm sản phẩm ống thép, tôn mạ) đạt 6.72 triệu tấn (giảm 7% YoY). Trong đó, thép xây dựng, thép chất lượng cao của Hòa Phát ghi nhận 3.78 triệu tấn (giảm 11% YoY). Tiêu thụ thép HRC đạt gần 2.8 triệu tấn (tăng 6% YoY). Ngoài ra, Hòa Phát còn cung cấp cho thị trường 685,000 tấn ống thép (giảm 9% YoY), 329,000 tấn tôn mạ các loại (tăng 0.3% YoY).

P/E 1 năm qua

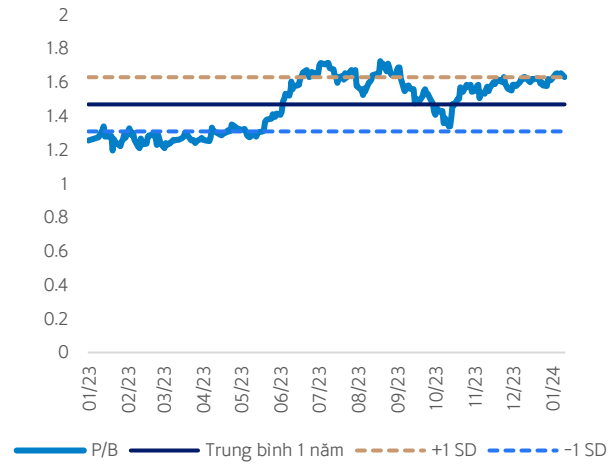



EV/EBITDA 1 năm qua

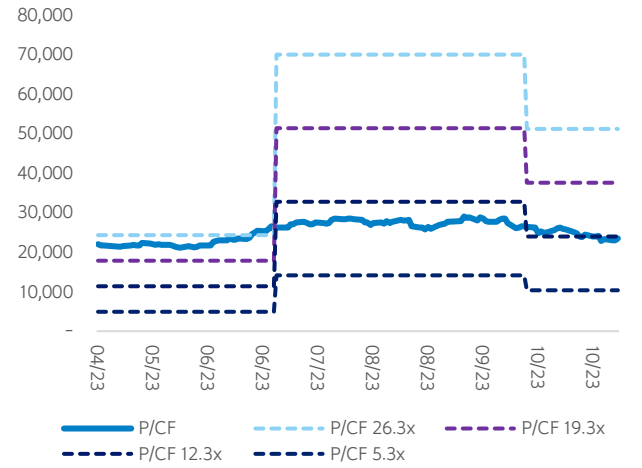



Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

P/B 1 năm qua

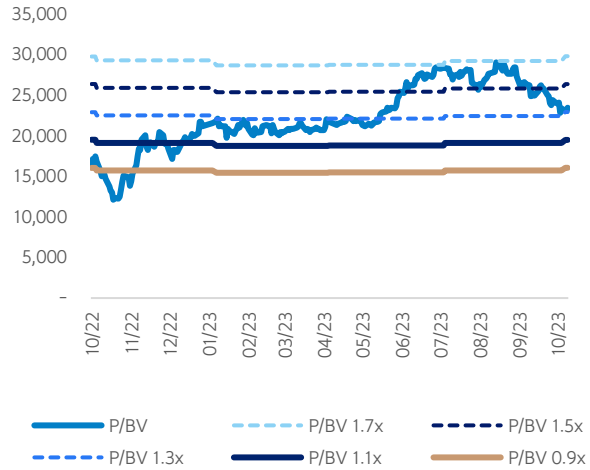



Giá với các mức P/CF

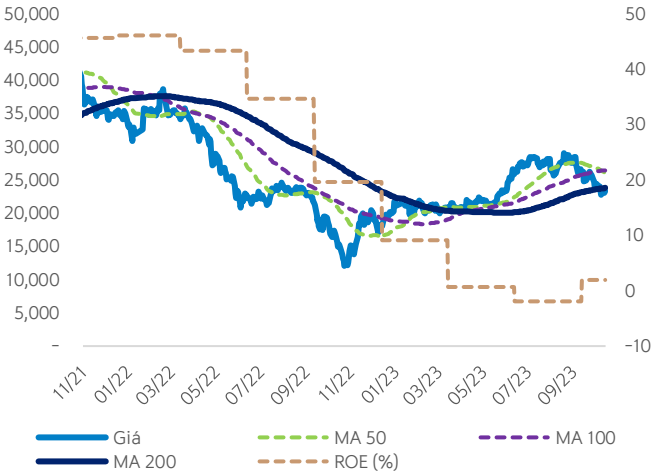



Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Giá với các mức P/B

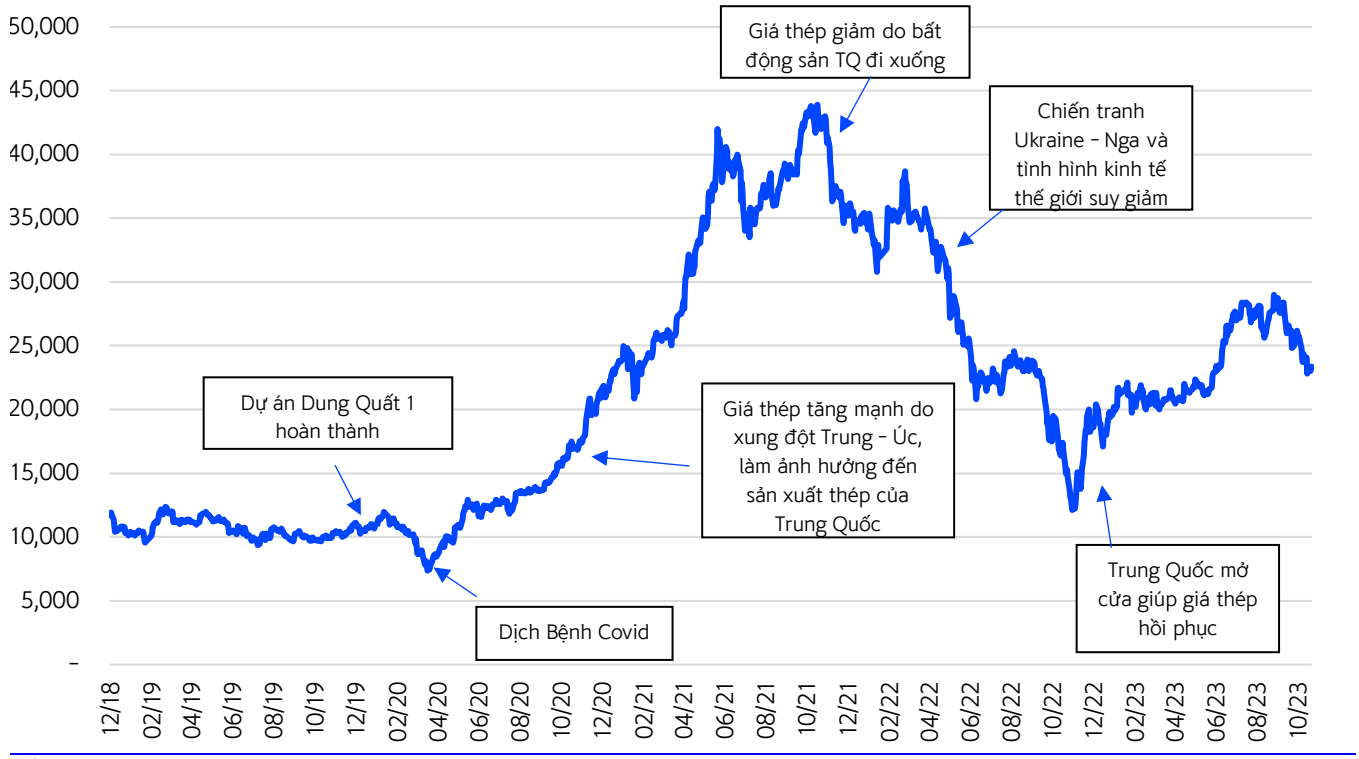



ROE và đường trung bình




Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

**Những sự kiện quan trọng của HPG**




Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

# Phụ lục: Báo cáo tài chính

## Bảng cân đối kế toán

| Năm (Tỷ đồng) | 2022 | 2023F | 2024F | 2025F | 2026F |
|---|---|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **170,336** | **184,077** | **206,477** | **241,888** | **274,568** |
| Tài sản ngắn hạn | 80,515 | 71,377 | 73,146 | 83,711 | 120,597 |
| Tiền và tương đương tiền | 8,325 | 7,216 | 107 | 3,021 | 35,215 |
| Đầu tư TC ngắn hạn | 26,268 | 26,268 | 26,268 | 26,268 | 26,268 |
| Các khoản phải thu | 11,431 | 8,309 | 10,364 | 12,351 | 14,012 |
| Hàng tồn kho | 34,491 | 29,585 | 36,407 | 42,071 | 45,103 |
| Tài sản dài hạn | 89,821 | 112,699 | 133,331 | 158,177 | 153,971 |
| Tài sản cố định | 70,833 | 93,778 | 114,233 | 139,010 | 134,665 |
| Lợi thế thương mại | 88 | 88 | 88 | 88 | 88 |
| Tài sản khác | 18,900 | 18,834 | 19,010 | 19,079 | 19,218 |
| **Tổng nợ** | **74,223** | **83,380** | **91,980** | **106,123** | **116,040** |
| Nợ ngắn hạn | 62,385 | 69,644 | 75,742 | 82,868 | 89,814 |
| Khoản phải trả | 11,107 | 15,336 | 17,709 | 19,677 | 21,095 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 46,749 | 49,758 | 53,460 | 58,595 | 64,099 |
| Khác | 4,530 | 4,551 | 4,572 | 4,596 | 4,620 |
| Nợ dài hạn | 11,837 | 13,736 | 16,238 | 23,255 | 26,225 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 11,152 | 12,957 | 15,327 | 22,173 | 24,925 |
| Khác | 686 | 779 | 912 | 1,082 | 1,300 |
| **Vốn chủ sở hữu** | **96,113** | **100,697** | **114,497** | **135,765** | **158,529** |
| Vốn góp chủ sở hữu | 58,148 | 58,148 | 58,148 | 58,148 | 58,148 |
| Thặng dư vốn | 3,212 | 3,212 | 3,212 | 3,212 | 3,212 |
| Lợi nhuận giữ lại | 33,834 | 38,418 | 52,218 | 73,486 | 96,249 |
| Vốn khác | 814 | 814 | 814 | 814 | 814 |
| Lợi ích CĐ không kiểm soát | 106 | 106 | 106 | 106 | 106 |
| *Tổng nợ | 57,900 | 62,715 | 68,787 | 80,768 | 89,024 |
| *Nợ ròng (tiền) | 49,576 | 55,499 | 68,680 | 77,747 | 53,810 |

## Kết quả hoạt động kinh doanh

| Năm (Tỷ đồng) | 2022 | 2023F | 2024F | 2025F | 2026F |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **142,771** | **120,355** | **148,111** | **171,151** | **183,485** |
| Tăng trưởng (%) | -5% | -16% | 23% | 16% | 7% |
| **Giá vốn hàng bán** | **(124,646)** | **(109,746)** | **(126,729)** | **(140,813)** | **(150,958)** |
| **Lợi nhuận gộp** | **16,763** | **10,609** | **21,382** | **30,337** | **32,527** |
| Biên lợi nhuận gộp (%) | 12% | 9% | 14% | 18% | 18% |
| **Chi phí BH & QLDN** | **(3,685)** | **(2,654)** | **(3,266)** | **(3,774)** | **(4,046)** |
| **LN từ HĐKD** | **13,078** | **7,955** | **18,115** | **26,563** | **28,481** |
| Tăng trưởng (%) | -65% | -39% | 128% | 47% | 7% |
| Biên LN từ HĐKD (%) | 9% | 7% | 12% | 16% | 16% |
| **LN khác** | **(3,155)** | **(139)** | **245** | **342** | **135** |
| Thu nhập tài chính | 3,744 | 2,803 | 3,450 | 3,986 | 4,273 |
| Chi phí tài chính | (7,027) | (2,959) | (3,226) | (3,669) | (4,166) |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | (3,084) | (2,959) | (3,226) | (3,669) | (4,166) |
| Lợi nhuận ròng từ HĐKD khác | 128 | 17 | 22 | 25 | 27 |
| **LNTT** | **9,923** | **7,816** | **18,360** | **26,905** | **28,615** |
| Thuế TNDN | (1,479) | (1,016) | (2,387) | (3,498) | (3,720) |
| **LNST** | **8,444** | **6,800** | **15,973** | **23,407** | **24,895** |
| Tăng trưởng (%) | -76% | -19% | 135% | 47% | 6% |
| Biên lợi nhuận ròng (%) | 6% | 6% | 11% | 14% | 14% |
| LNST cổ đông công ty mẹ | 8,484 | 6,769 | 15,899 | 23,299 | 24,780 |
| Lợi ích CĐTS | (39) | (31) | (74) | (108) | (115) |
| **LN trước thuế và lãi vay** | **13,007** | **10,775** | **21,586** | **30,574** | **32,781** |
| Tăng trưởng (%) | -67% | -17% | 100% | 42% | 7% |
| Biên LN (%) | 9% | 9% | 15% | 18% | 18% |
| **LN trước thuế, lãi vay và khấu hao** | **19,821** | **19,862** | **33,192** | **44,979** | **49,197** |
| Tăng trưởng (%) | -57% | 0% | 67% | 36% | 9% |
| Biên LN (%) | 14% | 17% | 22% | 26% | 27% |

## Lưu chuyển tiền tệ

| Năm (Tỷ đồng) | 2022 | 2023F | 2024F | 2025F | 2026F |
|---|---|---|---|---|---|
| **Tiền từ HĐKD** | **12,192** | **28,356** | **21,127** | **32,362** | **38,256** |
| Lợi nhuận ròng | 9,923 | 7,816 | 18,360 | 26,905 | 28,615 |
| Khấu hao TSCĐ | 6,814 | 9,087 | 11,605 | 14,404 | 16,416 |
| (Lãi) từ HĐ đầu tư | (1,822) | - | - | - | - |
| Lãi vay | 49 | - | - | - | - |
| Thay đổi vốn lưu động | (1,954) | 12,743 | (5,848) | (4,818) | (2,138) |
| Thay đổi khác | (819) | (1,322) | (3,064) | (4,238) | (4,753) |
| **Tiền từ HĐ đầu tư** | **(24,712)** | **(32,032)** | **(32,061)** | **(39,181)** | **(12,072)** |
| Chi dùng vốn | (17,966) | (32,032) | (32,061) | (39,181) | (12,072) |
| Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 14 | - | - | - | - |
| Thay đổi khác | (6,759) | - | - | - | - |
| **Tiền từ HĐ tài chính** | **(1,617)** | **2,567** | **3,825** | **9,733** | **6,009** |
| Thay đổi vốn cổ phần | 4 | - | - | - | - |
| Tiền đi vay/(trả) nợ | 626 | 4,814 | 6,073 | 11,981 | 8,257 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH | (2,247) | (2,247) | (2,247) | (2,247) | (2,247) |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **(14,137)** | **(1,109)** | **(7,109)** | **2,914** | **32,194** |
| Tổng tiền đầu năm | 22,471 | 8,325 | 7,216 | 107 | 3,021 |
| Thay đổi trong tỷ giá | (10) | - | - | - | - |
| Tổng tiền cuối năm | 8,325 | 7,216 | 107 | 3,021 | 35,215 |

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

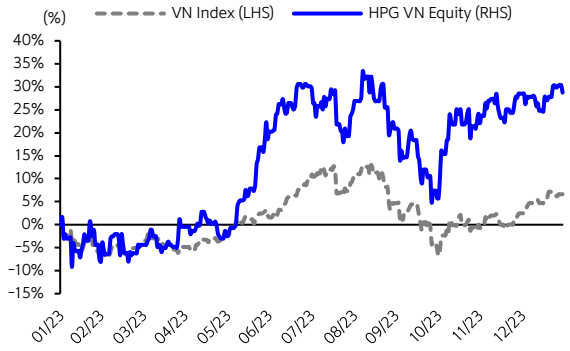
## Chỉ số tài chính

| Năm | 2022 | 2023F | 2024F | 2025F | 2026F |
|---|---|---|---|---|---|
| EPS (đồng) | 1,636 | 1,164 | 2,734 | 4,007 | 4,262 |
| BPS (đồng) | 18,539 | 17,317 | 19,691 | 23,348 | 27,263 |
| DPS (đồng) | 433 | 386 | 386 | 386 | 386 |
| PER (x) | 11.00 | 24.27 | 10.33 | 7.05 | 6.63 |
| PBR (x) | 1.09 | 1.63 | 1.43 | 1.21 | 1.04 |
| EV/EBITDA (x) | 7.79 | 11.11 | 11.09 | 6.63 | 4.90 |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức (%) | 2% | 2% | 2% | 2% | 1% |
| Lãi cổ tức (%) | 2% | 1% | 1% | 1% | 1% |
| **Khả năng sinh lời** | | | | | |
| Biên EBITDA (%) | 14% | 17% | 22% | 26% | 27% |
| Biên LN từ HĐKD (%) | 9% | 7% | 12% | 16% | 16% |
| Biên LNST (%) | 6% | 6% | 11% | 14% | 14% |
| ROA (%) | 5% | 4% | 8% | 10% | 10% |
| ROE (%) | 9% | 7% | 15% | 19% | 17% |
| **Khả năng tài chính** | | | | | |
| Nợ vay /Vốn chủ sở hữu (%) | 60% | 62% | 60% | 59% | 56% |
| Nợ vay ròng/ EBITDA (%) | 250% | 279% | 207% | 173% | 109% |
| Tỷ số thanh toán tiền mặt (%) | 13% | 10% | 0% | 4% | 39% |
| Khả năng thanh toán lãi vay (x) | 4.22 | 3.64 | 6.69 | 8.33 | 7.87 |
| **Hiệu quả hoạt động (%)** | | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho (ngày) | 97.95 | 97.16 | 81.31 | 83.68 | 86.71 |
| Vòng quay khoản phải thu (ngày) | 22.44 | 24.57 | 17.34 | 17.85 | 18.49 |
| Vòng quay khoản phải trả (ngày) | 51.01 | 43.97 | 47.59 | 48.45 | 49.29 |

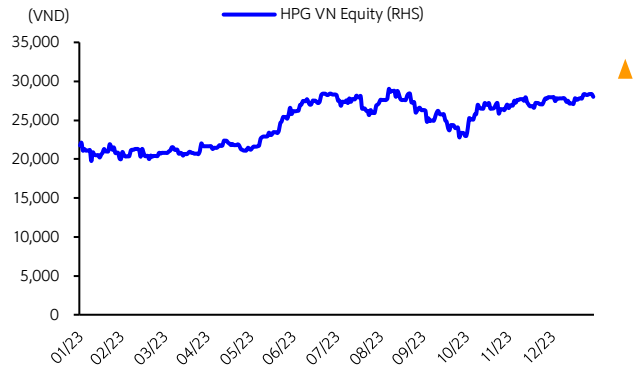
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

# CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

## Biến động giá cổ phiếu




## Giá mục tiêu (VNĐ)




| Ngày | Khuyến nghị | Giá mục tiêu (VND) | Khoảng giá MT (%) TB | Max/Min |
|---|---|---|---|---|
| 23/02/2023 (BC lần đầu) | MUA | 26,100 | 0.03 | -35/121 |
| 06/11/2023 (BC cập nhật) | GIỮ | 27,200 | 32 | -8/130 |
| 30/01/2024 (BC cập nhật) | GIỮ | 32,000 | 47 | 3/156 |

Lưu ý: Tính toán chênh lệnh giá mục tiêu dựa trên 12 tháng qua

**Shinhan Securities Vietnam**

| Cổ phiếu | Ngành |
|---|---|
| ◆ **MUA:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ 15% trở lên<br>◆ **GIỮ:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ -15% đến 15%<br>◆ **BÁN:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng thấp hơn -15% | ◆ **TÍCH CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị MUA<br>◆ **TRUNG LẬP:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị GIỮ<br>◆ **TIÊU CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị BÁN |

# Compliance & Disclosure Notice

## Analyst Certification

- The following analysts hereby certify that their views about the companies and securities discussed in this report are accurately expressed and that they have not received and will not receive direct or indirect compensation in exchange for expressing specific recommendations or views in this report: Tien Le

## Important Disclosures & Disclaimers

- As of the date of publication, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does not beneficially own 1% or more of any class of common equity securities of the following companies mentioned in this report: HPG VN
- Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or one of its affiliates, and/or their respective officers, directors, or employees may have interests, or long or short positions, and may at any time make purchases or sales as a principal or agent of the securities of the companies mentioned in this report.
- As of the date of publication, research analysts responsible for this report and members of their households do not have any financial interest in the debt or equity securities of the companies mentioned in this report.
- Research analysts responsible for this report receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. including profits derived from investment banking. The analysts responsible for this report may also receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of sales and trading businesses relating to the class of securities or financial instruments for which such analysts are responsible.
- All opinions and estimates regarding the companies and their securities are accurate representations of the research analysts' judgments and may differ from actual results.
- This report is intended to provide information to assist investment decisions only, and should not be used or construed as an offer or a solicitation of an offer to buy or sell any securities. The information herein has been obtained from sources deemed reliable, but such information has not been independently verified and no guarantee, representation, or warranty, expressed or implied, is made as to its accuracy, completeness, or correctness. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. makes the best effort but does not guarantee the accuracy, completeness, or correctness of information and opinions translated into English from original Vietnamese language materials. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. accepts no liability whatsoever for any direct, indirect, and/or consequential loss arising from any use of this material or its contents. Stock selection and final investment decisions should be made at the investor's own and sole discretion.
- This report is distributed to our customers only, and any unauthorized use, duplication, or redistribution of this report is strictly prohibited.
- Investing in any Vietnamese securities or related financial instruments discussed in this research report may present certain risks. The securities of Vietnamese issuers may not be registered with, or be subject to the regulations of, the US Securities and Exchange Commission. Information on Vietnamese securities or related financial instruments may be limited. Foreign companies may not be subject to audit and reporting standards and regulatory requirements comparable to those in effect within the US. The value of any investment or income from any securities or related financial instruments discussed in this research report denominated in currencies other than the Vietnamese won is subject to exchange rate fluctuations that may have a positive or adverse effect on the value of or income from such securities or related financial instruments.

## Distribution

- United States: This report is distributed in the US by Shinhan Investment America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major US institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) of the US Securities Exchange Act of 1934. All US persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are major US institutional investors and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any US recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Shinhan Investment America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the US. The securities described herein may not have been registered under the US Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the US or to US persons unless they have been registered or are in compliance with an exemption from registration requirements.
- All Other Jurisdictions: Customers in all other countries who wish to effect a transaction in any securities referenced in this report should contact Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates only if distribution to or use by such customer of this report would not violate applicable laws and regulations and not subject Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. and its affiliates to any registration or licensing requirement within such jurisdiction.



## Shinhan Investment Network

### SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

### NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

### Hong Kong

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

### Indonesia

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

### Shanghai

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

### Ho Chi Minh

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

### Ha Noi

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000